BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 BÀI 33:

VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Câu 1: Xu hướng chung của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều hướng tích cực của đồng bằng sông Hồng là

A. tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III
B. tăng tỉ trọng khu vực I và II, giảm tỉ trọng khu vực III
C. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III
D. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, giảm tỉ trọng khu vực III.

Câu 2: Nhân tố nào không phải là điều kiện thuận lợi của vùng Đồng bằng sông Hồng để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế?

A. Nguồn lao động có trình độ cao
B. Tập trung nhiều trung tâm công nghiệp và dịch vụ lớn
C. Cơ sở hạ tầng phụ vụ cho công nghiệp và dịch vụ tốt
D. Giàu tài nguyên khoáng sản và năng lượng

Câu 3: Khí hậu nhiệt đới với mùa đông lạnh của Đồng bằng sông Hồng có lợi thế

A. trồng được nhiều khoai tây.
B. tăng thêm vụ lúa đông xuân.
C. phát triển các loại rau ôn đới.
D. chăn nuôi nhiều gia súc xứ lạnh.

Câu 4: Hai trung tâm du lịch tiêu biểu của vùng Đồng bằng sông Hồng là:

A. Hà Nội, Hải Dương.
B. Hà Nội, Nam Định.
C. Hà Nội, Ninh Bình.
D. Hà Nội, Hải Phòng

Câu 5: Ý nào sau đây không đúng với ngành dịch vụ ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

A. Cơ cấu khá đa dạng.
B. Hà Nội là trung tâm dịch vụ lớn nhất vùng.
C. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP của vùng.
D. Du lịch có vị trí thấp nhất trong nền kinh tế vùng.

Câu 6: Hạn chế lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

A. khí hậu có mùa đông lạnh.
B. nền đất phù sa yếu, gây trở ngại cho việc xây dựng các nhà máy, xí nghiệp.
C. khoáng sản khá nghèo nàn, phần lớn phải nhập từ vùng khác.
D. mạng lưới sông ngòi dày đặc khó khăn cho việc vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm.

Câu 7: Phát triển kinh tế biển ở Đồng bằng sông Hồng, nên tập trung vào :

A. Giao thông vận tải, du lịch, khai thác - nuôi trồng thủy hải sản.
B. Khai thác dầu khí, giao thông vận tải.
C. Làm muối, du lịch và dịch vụ cảng biển.
D. Đánh bắt hải sản và du lịch.

Câu 8: Phạm vi lãnh thổ của Đông bằng sông Hồng (tính đến 08/2008) bao gồm:

A. 9 tỉnh, thành phố.
B. 10 tỉnh, thành phố.
C. 11 tỉnh, thành phố.
D. 12 tỉnh, thành phố.

Câu 9: Ngành nào dưới đây là ngành công nghiệp trọng điểm của Đồng bằng sông Hồng ?

A. Vật liệu xây dựng.
B. Hoá chất.
C. Luyện kim.
D. Năng lượng.

Câu 10: Sức ép lớn nhất đối với việc sản xuất lương thực, thực phẩm Đồng bằng sông Hồng là

A. thiếu nguồn lao động.
B. đô thị hóa với tốc độ nhanh.
C. chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn chậm.

D. bình quân đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp.

Câu 11: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải miền Trung. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 12: Các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Hồng là :

A. Sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí - điện tử, dệt - may.

B. Hóa chất - phân bón - cao su, cơ khí, luyện kim, kĩ thuật điện - điện tử.

C. Luyện kim, cơ khí, điện - điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng.

D. Sản xuất vật liệu xây dựng, phân bón - cao su, giày - da - giấy.

Câu 13: Phải tăng năng suất lúa ở Đồng bằng sông Hồng bởi vì :

A. Đất phù sa rất màu mỡ. **B.** Dân số đông.

C. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

D. Nhu cầu xuất khẩu lớn.

Câu 14: Về mặt xã hội, sức ép dân số đã làm cho Đồng bằng sông Hồng :

A. Có thu nhập bình quân đầu người hằng tháng thấp nhất nước.

B. Có tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị cao nhất nước.

C. Có lương thực bình quân đầu người thấp nhất nước.

D. Tỉ lệ người lớn biết chữ thấp hơn mức bình quân cả nước.

Câu 15: Tại sao tài nguyên nước ở Đồng bằng sông Hồng phong phú?

A. Do lượng mưa lớn, độ bốc hơi không nhiều.

B. Do lượng mưa lớn và diễn ra quanh năm.

C. Không khí ẩm từ biển thổi vào quanh năm.

D. Tỉ lệ che phủ rừng cao đã hạn chế bốc hơi nước.

Câu 16: Định hướng chuyển dịch trong cơ cấu ngành trồng trọt của vùng Đồng bằng sông Hồng là

A. Giảm tỉ trọng cây công nghiệp; tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây lương thực

B. Giảm tỉ trọng cây lương thực; tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả

C. Tăng tỉ trọng cây lương thực, cây thực phẩm; giảm tỉ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả

D. Tăng tỉ trọng cây lương thực, cây ăn quả

Câu 17: Đồng bằng sông Hồng có tài nguyên nước ngọt phong phú chủ yếu là do

A. có lượng mưa dồi dào. **B.** nằm ở hạ nguồn hai hệ thống sông lớn.

C. địa hình bằng phẳng. **D.** vị trí nằm tiếp giáp với biển.

Câu 18: Định hướng phát triển trong khu vực III ở Đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 là:

A. Đầu tư mạnh cho hoạt động du lịch, tài chính ngân hàng, giáo dục – đào tạo...

B. Hình thành trung tâm thương mại quốc gia ở Hà Nội và trung tâm thương mại cửa khẩu ở Hải Phòng.

C. Hình thành trung tâm thương mại quốc tế ở Hà Nội và trung tâm thương mại vùng ở Hải Dương.

D. Ưu tiên đầu tư vào cơ sở hạ tầng và bưu chính viễn thông quốc tế

Câu 19: Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với

A. Biển Đông. **B.** Bắc Campuchia **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Lào

Câu 20: Hạn chế lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

A. khí hậu có mùa đông lạnh. **B.** mạng lưới sông ngòi dày đặc.

C. khoáng sản nghèo nàn. D. Dân số đông, mật độ dân số cao.

Câu 21: Tài nguyên khoáng sản ở Đồng bằng sông Hồng không nhiều là do :

A. Lịch sử khai thác lâu đời.

B. Địa hình thấp, bằng phẳng.

C. Chịu ảnh hưởng không đáng kể của vận động tạo núi Hi-ma-lay-a.

D. Mới được hình thành trên nền sụt võng trong thời gian gần đây.

Câu 22: Ở Đồng bằng sông Hồng, việc sản xuất lương thực - thực phẩm có nghĩa rất quan trọng, bởi vì :

A. Là đồng bằng châu thổ màu mỡ, đất đai, khí hậu, nguồn nước phong phú.

B. Là vùng trọng điểm lương thực - thực phẩm của cả nước, mật độ dân số quá cao.

C. Lúa là cây lương thực cổ truyền, người dân có kinh nghiệm thâm canh cây lúa nước từ rất sớm.

D. Đảm nhận việc cung cấp lương thực - thực phẩm cho các vùng khác và xuất khẩu.

Câu 23: vùng Đồng bằng sông Hồng phải đẩy mạnh thâm canh tăng vụ là do

A. Khả năng mở rộng diện tích hết sức khó khăn

B. Có nguồn lao động dồi dào

C. Khí hậu thuận lợi

D. Nhu cầu thị trường tăng cao

Câu 24: Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân để vùng Đồng bằng sông Hồng cần phai chuyển dịch cơ cấu kinh tế?

A. Cơ cấu kinh tế của vùng không còn phù hợp

B. Vùng có điều kiện thuận lợi cho việ chuyển dịch'

C. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội

D. Các vùng khác đã chuyển dịch xong

Câu 25: Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng là

A. tăng khu vực III, giảm khu vực I và II. B. giảm khu vực I, tăng khu vực II và III.

C. tăng khu vực III và I, giảm khu vực II. D. tăng khu vực I,giảm khu vực II và III.

Câu 26: Giải pháp có ý nghĩa lâu dài để giải quyết vấn đề dân số ở Đồng bằng sông Hồng là :

A. Xuất khẩu lao động. B. Di dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới.

C. Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa. D. Giảm tỉ lệ sinh.

Câu 27: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 26, tỉ trọng GDP của từng vùng (Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ)so với GDP cả nước năm 2007 tương ứng là

A. 23,0% và 8,1 % B. 24,0% và 9,2%

C. 25,0% và 10,2 % D. 26,0% và 11, 2%

Câu 28: Để giải quyết tốt vấn đề lương thực, Đồng bằng sông Hồng cần

A. Nhập khẩu lương thực

B. Đẩy mạnh thâm canh, thay đổi cơ cấu mùa vụ

C. Thu hút lực lượng lao động từ các vùng khác tới

D. Nhập lương thực từ các vùng khác

Câu 29: Về lâu dài, sản lượng lương thực ở ĐB sông Hồng có thể dẫn tới giới hạn của khả năng sản xuất là do :

A. Dân số quá đông. gia tăng tự nhiên còn cao nên phải đẩy mạnh thâm canh, quay vòng sử dụng đất.

B. Áp dụng các biện pháp khoa học - kĩ thuật nhiều nhưng chưa hợp lí vào sản xuất.

C. Nhu cầu về lương thực ngày càng tăng nhưng diện tích đất canh tác ngày càng thu hẹp.

D. Thiên tai thường xảy ra ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng.

Câu 30: Đất bạc màu ở Đồng bằng sông Hồng tập trung chủ yếu ở :

A. Phía tây bắc. **B.** Phía đông nam. **C.** Phía đông bắc. **D.** Phía tây nam.

Câu 31: Vận tải đường thủy phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng là do :

A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn, độ dốc nhỏ.

B. Có hệ thống cảng sông, cảng biển rất phát triển.

C. Cơ sở vật chất - kĩ thuật và cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh.

D. Sông ngòi dày đặc, nhiều phù sa, có nhiều cửa sông lớn.

Câu 32: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng là

A. tiếp tục tăng đều tỷ trọng của cả 3 khu vực I, II, III.

B. tiếp tục tăng tỷ trọng của khu vực I và III, giảm tỷ trọng khu vực II.

C. tiếp tục giảm tỷ trọng khu vực I và II, tăng tỷ trọng khu vực khu vực III.

D. tiếp tục giảm tỷ trọng khu vực I, tăng nhanh tỷ trọng khu vực II và III.

Câu 33: Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực I ở Đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 là:

A. Giảm tỉ trọng của ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi và thuỷ sản.

B. Giảm tỉ trọng của ngành trồng cây công nghiệp, tăng tỉ trọng của ngành trồng cây thực phẩm.

C. Giảm tỉ trọng của ngành trồng cây công nghiệp, tăng tỉ trọng của ngành trồng cây ăn quả.

D. Tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng của ngành trồng trọt và cây thực phẩm.

Câu 34: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực I ở Đồng bằng sông Hồng diễn ra theo hướng

A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thuỷ sản.

B. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thuỷ sản.

C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.

D. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, tang nhanh tỉ trọng ngành thuỷ sản.

Câu 35: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 26, các trung tâm công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng có quy mô từ trên 40 nghìn tỉ đồng trở lên là

A. Phú Yên, Bắc Ninh **B.** Hà Nội, Hải Phòng

C. Hải Dương, Hưng Yên **D.** Thái BÌnh, Nam Định

Câu 36: Vấn đề kinh tế - xã hội đang được quan tâm hàng đầu ở Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn hiện nay là

A. sức ép của dân số đối với phát triển kinh tế- xã hội.

B. đô thị hoá diễn ra nhanh chóng, ô nhiễm môi trường đô thị.

C. sự phát triển ồ ạt của các khu công nghiệp khu chế xuất.

D. tình trạng thu hẹp diện tích đất trồng lúa và vấn đề ô nhiễm môi trường.

Câu 37: Đất nông nghiệp có độ phì cao và trung bình ở ĐB sông Hồng chiếm :

A. Gần 75% diện tích. **B.** Khoảng 70% diện tích.

C. Trên 65% diện tích. **D.** Dưới 60% diện tích.

Câu 38: Năng suất lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước la do

A. Diện tích ngày càng được mở rộng **B.** Người lao động có nhiều kinh nghiệm

C. Đẩy mạnh sản xuất theo hình thức thâm canh **D.** Tăng vụ

Câu 39: Xét ở góc độ xã hội, biểu hiện gay gắt nhất về vấn đề dân số ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay là:

A. Di dân tự do từ nông thôn vào các thành phố lớn.

B. Gia tăng dân số tự nhiên vẫn còn cao.
C. Dịch vụ về văn hóa, y tế, giáo dục khó nâng cao chất lượng.
D. Thất nghiệp, thiếu việc làm.

Câu 40: Nhận định đúng nhất về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng là
A. Có sự chuyển biến cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
B. Có sự chuyển biến cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực nhưng vẫn còn chậm.
C. Có sự chuyển biến cơ cấu kinh tế diễn ra còn chậm, chưa phát huy được hết thế mạnh của vùng.
D. Có sự chuyển biến cơ cấu kinh tế tương đối nhanh, nhưng nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất.

Câu 41: Tại sao trong định hướng phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng lại chú trọng đến việc hình thành và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm ?
A. Để khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào.
B. Để sử dụng có hiệu quả thế mạnh về tự nhiên và con người.
C. Để thu hút triệt để nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.
D. Để tận dụng thế mạnh về tiềm năng thuỷ điện và khoáng sản.

Câu 42: Vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước là
A. Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 43: Hạn chế nào dưới đây không phải là của vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Sức ép lớn của dân số **B.** Thiên tai còn nhiều
C. Thài nguyên thiên nhiên đang bị suy thoái **D.** Cơ sở hạ tầng thấp nhất cả nước

Câu 44: Phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở vùng ở Đồng bằng sông Hồng vì
A. đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
B. khai thác hợp lí các nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội.
C. góp phần giải quyết các vấn đề về xã hội và môi trường trong vùng.
D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

Câu 45: Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Quảng Ninh **B.** Hải Phòng **C.** Phú Thọ **D.** Bắc Giang

Câu 46: Tỉnh nào sau đây vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Vĩnh Phúc. **B.** Bắc Giang **C.** Hưng Yên. **D.** Ninh Bình

Câu 47: Cơ cấu ngành kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo hướng
A. Giảm tỉ trọng của khu vực I , tăng tỉ trọng của khu vực II và III
B. Giảm tỉ trọng của khu vực II , tăng tỉ trọng của khu vực I và III
C. Giảm tỉ trọng của khu vực III , tăng tỉ trọng của khu vực I và II
D. Tăng tỉ trọng của khu vực I , tăng tỉ trọng của khu vực II và III

Câu 48: Ý nào sau đây không đúng với vị trí địa lí của vùng đồng bằng sông Hồng ?
A. Giáp với Thượng Lào. **B.** Giáp Vịnh Bắc Bộ (Biển Đông).
C. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.
D. Giáp với các vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

Câu 49: Đồng bằng sông Hồng dẫn đầu cả nước về số đầu lợn chủ yếu là do :
A. Có nguồn thức ăn rất dồi dào, thị trường có nhu cầu lớn.
B. Mô hình kinh tế trang trại và kinh tế VAC phát triển mạnh.

C. Lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm.
D. Được Nhà nước đầu tư.

Câu 50: Dựa vào bảng số liệu sau đây về một số chỉ tiêu của Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Các chỉ tiêu	Đồng bằng sông Hồng		Cả nước	
	1995	2005	1995	2005
Dân số (nghìn người)	16 137	18 039	71 996	83 009
Diện tích cây lương thực (nghìn ha)	1 288	1 220	7 322	8 371
Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	5 340	6 533	26 141	39 548
Bình quân lương thực (kg/người)	331	362	363	475

Nhận định đúng nhất là :
A. Đồng bằng sông Hồng có tốc độ tăng chậm hơn cả nước trong tất cả chỉ tiêu.
B. Dân số là chỉ tiêu tăng chậm nhất của Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn 1995 - 2005.
C. Diện tích cây lương thực của Đồng bằng sông Hồng tăng chậm hơn sản lượng lương thực.
D. Sản lượng lương thực của ĐB sông Hồng tăng chậm hơn cả nước vì năng suất thấp và tăng chậm hơn.

Câu 51: Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 là:
A. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và giữ nguyên tỉ trọng trong khu vực III.
B. Giảm nhanh tỉ trọng khu vực I, tăng nhanh tỉ trọng khu vực III và giữ nguyên tỉ trọng trong khu vực II.
C. Tăng tỉ trọng khu vực II, giảm tỉ trọng khu vực I và III.
D. Tỉ trọng của khu vực I (20,0%), khu vực II (34,0%) và khu vực III (46,0%).

Câu 52: Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực II ở Đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 là:
A. Đầu tư phát triển mạnh ngành chế biến lương thực - thực phẩm, dệt may và da giày.
B. Đầu tư phát triển các ngành trọng điểm có lợi thế vào tài nguyên, lao động và thị trường.
C. Đầu tư phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí chế tạo.
D. Đầu tư phát triển ngành cơ khí – kĩ thuật điện - điện tử.

Câu 53: Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp so với tổng diện tích tự nhiên ở Đồng bằng sông Hồng là
A. 15,4% **B.** 79,5% **C.** 59,7% **D.** 51,2%

Câu 54: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, không tạo thuận lợi cho ĐBSHồng
A. thâm canh, xen canh,tăng vụ. **B.** đưa vụ đông lên thành vụ chính.
C. trồng cây công nghiệp nhiệt đới dài ngày. **D.** trồng được nhiều loại cây cận nhiệt.

Câu 55: Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (Đơn vị %)

Năm	1990	1995	2000	2010
Nông- Lâm- Ngư	45,6	32,6	29,1	12,6
Công nghiệp- xây dựng	22,7	25,4	27,5	43,8
Dịch vụ	31,7	42,0	43,4	43,6

Chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng từ 1990- 2010.

A. Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ miền. **C.** Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ cột chồng.

Câu 56: Dân số ở Đồng bằng sông Hồng tăng nhanh sẽ dẫn tới :

A. Đất hoang hóa ngày càng mở rộng.

B. Đất chuyên dùng ngày càng thu hẹp.

C. Đất lâm nghiệp ngày một giảm

D. Bình quân đất nông nghiệp/đầu người ngày một thấp.

Câu 57: Tuyến quốc lộ nằm hoàn toàn trong vùng Đồng bằng sông Hồng là :

A. Quốc lộ 2. **B.** Quốc lộ 5. **C.** Quốc lộ 6. **D.** Quốc lộ 18.

Câu 58: Tỉnh nào ở Đồng bằng sông Hồng có ngành công nghiệp khai thác khí đốt?

A. Vĩnh Phúc. **B.** Thái Bình.

C. Hải Dương. **D.** Hưng Yên.

Câu 59: Điểm nào sau đây không đúng với đồng bằng sông Hồng?

A. Tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng.

B. Là vùng chịu tác động của nhiều thiên tai nhiệt đới.

C. Là vùng thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp.

D. Một số tài nguyên thiên nhiên bị xuống cấp.

Câu 60: Tại sao tài nguyên đất ở Đồng bằng sông Hồng đang bị xuống cấp?

A. Thường xuyên bị khô hạn. **B.** Hệ số sử dụng đất cao.

C. Bón quá nhiều phân hữu cơ. **D.** Xói mòn, rửa trôi diễn ra mạnh.

Câu 61: Biểu hiện rõ nhất của sức ép dân số lên tài nguyên ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

A. Bình quân đất canh tác trên đầu người giảm

B. Độ màu mỡ của đất giảm

C. Khí hậu ngày càng khắc nghiệt

D. Chất lượng nguồn nước giảm

Câu 62: Loại khoáng sản có giá trị kinh tế cao đang được khai thác ở Đồng bằng sông Hồng là

A. Than nâu và khí đốt. **B.** Đá vôi, đất sét, cao lanh.

C. Đá vôi và than nâu. **D.** Than nâu, đất sét, cao lanh.

Câu 63: Loại tài nguyên giá trị hàng đầu ở Đồng bằng sông Hồng là :

A. Đất đai. **B.** Khí hậu. **C.** Nguồn nước. **D.** Khoáng sản.

Câu 64: Yếu tố quan trọng nhất giúp Đồng bằng sông Hồng trở thành vùng sản xuất lương thực lớn ở nước ta là

A. Khí hậu nhiệt đới gió màu độ ẩm cao **B.** Đất phù sa màu mỡ

C. Vị trí thuận lợi **D.** Thị trường tiêu thụ lớn

Câu 65: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu trong khu vực I của đồng bằng sông Hồng là

A. giảm tỉ trọng của ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi và thủy sản.
B. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và thủy sản, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.
C. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
D. tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 66: Vùng nông nghiệp ĐBSH giống với vùng nông nghiệp ĐBSCL ở điểm nào sau đây?
A. Mạng lưới đô thị dày đặc.
B. Có mùa đông lạnh.
C. Trình độ thâm canh cao.
D. Mật độ dân số cao nhất cả nước.

Câu 67: Dân cư tập trung đông đúc ở Đồng bằng sông Hồng không phải là do
A. vùng mới được khai thác gần đây.
B. có nhiều trung tâm công nghiệp.
C. trồng lúa nước cần nhiều lao động.
D. có điều kiện thuận lợi cho sản xuất và cư trú.

Câu 68: Cơ cấu kinh tế theo ngành của Đồng bằng sông Hồng chuyển dịch theo hướng tích cực chủ yếu do
A. tài nguyên thiên nhiên phong phú.
B. thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.
C. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
D. nguồn lao động dồi dào, kĩ thuật cao.

Câu 69: Vấn đề quan trọng hàng đầu của Đồng bằng sông Hồng cần giải quyết là
A. thiên tai khắc nghiệt.
B. đất nông nghiệp khan hiếm.
C. dân số đông.
D. tài nguyên không nhiều.

Câu 70: Nhân tố có ý nghĩa quyết định đến quy mô, cơ cấu và phân bố ngành trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là :
A. Khí hậu.
B. Nguồn nước.
C. Thị trường tiêu thụ.
D. Đất đai.

Câu 71: Ở Đồng bằng sông Hồng vấn đề việc làm là vấn đề hết sức nan giải vì
A. nguồn lao động dồi dào, nền kinh tế còn chậm phát triển.
B. nguồn lao động dồi dào, trình độ của người lao động còn hạn chế.
C. vùng có số dân đông, mật độ dân số cao nhất nước ta.
D. cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ còn chậm chuyển dịch.

Câu 72: So với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng có
A. Diện tích lớn hơn
B. Số dân ít hơn
C. Kinh tế kém phát triển hơn
D. Mùa đông ngắn hơn và đỡ lạnh hơn

Câu 73: Đặc điểm khí hậu của ĐB sông Hồng có những nét tương đồng với :
A. Tiểu vùng Tây Bắc.
B. Tiểu vùng Đông Bắc.
C. Vùng Bắc Trung Bộ.
D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 74: Nhận định nào không phải là hạn chế chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng ?
A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm.
B. Chịu ảnh hưởng nhiều của những thiên tai.
C. Sức ép dân số đối với vấn đề phát triển kinh tế - xã hội.
D. Cơ sở vật chất – kĩ thuật chưa phát triển bằng các vùng khác.

Câu 75: Phạm vi lãnh thổ của Đồng bằng sông Hồng được xác định bằng
A. Ranh giới của các lưu vực sông Hồng và sông Thái Bình.
B. Ranh giới của các thành phố, thị xã ở rìa.
C. Ranh giới của các vùng đồi núi thấp.
D. Ranh giới hành chính.

Câu 76: Tỉnh có năng suất lúa cao nhất ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay là

A. Nam Định. **B.** Thái Bình.
C. Hải Dương. **D.** Hưng Yên.

Câu 77: Ý nào dưới đây không đúng khi nói về dân số và lao động của vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Là vùng đông dân nhất nước ta
B. Có nguồn lao động dồi dào
C. Người lao động có kinh nghiệm và trình độ sản xuất
D. Phần lớn dân số sống ở thành thị

Câu 78: Việc làm ở Đồng bằng sông Hồng là vấn đề nan giải, nhất là khu vực thành thị chủ yếu do
A. nguồn lao động dồi dào, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo lớn.
B. nguồn lao động dồi dào, trình độ của người lao động hạn chế.
C. nguồn lao động dồi dào, nền kinh tế còn chậm phát triển.
D. nguồn lao động dồi dào, tập trung đông ở khu vực thành thị

Câu 79: Định hướng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng là
A. Tập trung cho các ngành công nghiệp hiện đại
B. Hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm
C. Tập trung cho các ngành công nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài
D. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động

Câu 80: Hạn chế lớn nhất của Đồng bằng sông Hồng trong việc phát triển kinh tế - xã hội là :
A. Những tai biến do thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa gây ra.
B. Cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm, nông nghiệp còn chiếm tỉ trọng lớn.
C. Mật độ dân số quá cao gây sức ép lên đời sống kinh tế - xã hội.
D. Tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái, thiếu hầu hết các nguồn nguyên liệu.

Câu 81: Để tăng diện tích đất sử dụng trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng, biện pháp quan trọng nhất là :
A. Cần tiến hành cải tạo đất, tận dụng diện tích mặt nước, tăng vụ.
B. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa vụ đông lên vụ sản xuất chính.
C. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.
D. Tăng cường công tác thuỷ lợi.

Câu 82: Tài nguyên nước của Đồng bằng sông Hồng phong phú thể hiện rõ nhất ở :
A. Nguồn nước khoáng dồi dào.
B. Khí hậu nhiệt đới ẩm.
C. Nước ngầm dồi dào, chất lượng nước tốt.
D. Hệ thống sông ngòi chằng chịt của 2 hệ thống sông lớn là sông Thái Bình và sông Hồng.

Câu 83: Đồng bằng sông Hồng thường thiếu nước cho sản xuất vào :
A. Vụ đông - xuân. **B.** Vụ thu - đông. **C.** Vụ hè - thu. **D.** Vụ xuân - hè.

Câu 84: Bình quân lương thực theo đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng vẫn thấp hơn một số vùng khác là do:
A. Sản lượng lương thực thấp **B.** Sức ép quá lớn của dân số
C. Điều kiện sản xuất lương thực khó khăn **D.** Năng suất trồng lương thực thấp

Câu 85: Hệ thống đê điều khá vững chắc ở Đồng bằng sông Hồng đã làm cho đất phù sa trong đê :
A. Ngày càng bị bạc màu. **B.** Thường xuyên bị thiếu nước.
C. Thường xuyên được phù sa bồi đắp. **D.** Thường xuyên bị ngập úng.

Câu 86: Nguồn thực phẩm tạo ra từ ngành chăn nuôi ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu dựa vào
A. Chăn nuôi trâu, bò thịt và sữa ở các trang trại lớn.
B. Chăn nuôi bò thịt và sữa ở ven các thành phố lớn.
C. Chăn nuôi gia súc nhỏ và gia cầm.
D. Chăn nuôi dê, cừu.

Câu 87: Nhận định nào sau đây không đúng về hạn chế chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng?
A. Chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão,lụt.
B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành còn chậm.
C. Mật độ dân số nhỏ hơn nhiều lần so với cả nước.
D. Thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp.

Câu 88: Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng là
A. có mật độ dân số cao. **B.** cơ sở hạ tầng còn hạn chế.
C. thiếu nguyên liệu tại chỗ. **D.** cơ cấu kinh tế chậm chuyển biến.

Câu 89: Phải đặt vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng vì
A. Đây là vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp dịch vụ, nhưng hiện nay còn phát triển chậm hơn các vùng khác.
B. Đây là vùng trọng điểm số 2 về lương thực, thực phẩm của cả nước nhưng sản xuất lương thực ngày càng gặp khó khăn.
C. Cơ cấu kinh tế tuy đã chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm, chưa phát huy hết
D. Để phát huy các thế mạnh và khắc phục những hạn chế, nhằm đưa nền kinh tế phát triển tương xứng với vị trí và tiềm năng.

Câu 90: Hiện nay, vùng chịu lụt úng nghiêm trọng nhất vào mùa mưa bão là vùng:
A. Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Vùng trũng ở Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng hạ lưu các sông lớn ở duyên hải Nam Trung Bộ.

ĐÁP ÁN

1	C	21	D	41	B	61	A	81	A
2	D	22	B	42	A	62	B	82	D
3	C	23	A	43	D	63	A	83	A
4	D	24	D	44	D	64	B	84	B
5	D	25	B	45	B	65	A	85	A
6	C	26	D	46	B	66	C	86	C
7	A	27	A	47	A	67	A	87	A
8	B	28	B	48	A	68	C	88	C
9	A	29	A	49	A	69	C	89	D
10	D	30	C	50	A	70	D	90	A
11	A	31	A	51	D	71	A		
12	A	32	D	52	B	72	D		
13	B	33	A	53	D	73	B		
14	B	34	A	54	C	74	D		
15	A	35	B	55	B	75	D		
16	B	36	A	56	D	76	B		
17	B	37	B	57	B	77	D		
18	A	38	C	58	B	78	C		
19	A	39	D	59	A	79	B		

20	C	40	B	60	B	80	C		